

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH T

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13 /2023/DS-ST

Ngày 06/4/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pH1 tòa: Ông Cao Hồng Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện;

2. Ông Nguyễn Văn Sâm.

- Thư ký pH1 tòa: ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia pH1 toà: ông Đỗ Tiến Dũng - KSV.

Ngày 06 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64 /2022/TLST- DS ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/ 2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn pH1 tòa số 06/2023/QĐST-DSST ngày 14/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

- Bà Lê Thị H1 - Sinh năm 1949;

Nơi ĐKKHKT: phòng 908 Nơ 4A Bán Đảo Linh Đàm, phường H, quận H, thành phố H. Có mặt

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H- sinh năm 1980

Nơi công tác: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T, T.

Địa chỉ: khu 1 thị trấn T, huyện T, T. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị H1 trình bày.

Tôi và cô Nguyễn Thị H, Sinh năm 1980; Công tác tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T, tỉnh T có quan hệ quen biết, là hàng xóm và đồng nghiệp cũ, nên tôi có cho cô H vay tiền, cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 12/ 02 /2014 tôi có cho cô H vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu) đồng, lãi suất khi đó hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng. Thời hạn vay là một tháng.

Ngày 24/3/2014, cô H trả nợ cho tôi 300.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền gốc.

Ngày 20/11/2015 cô H vay của tôi số tiền 100.000.000 đồng, cộng với số tiền 100.000.000 đồng cũ nữa là 200.000.000 đồng.

Ngày 29/01/2016, cô H vay tiếp của tôi 200.000.000 đồng nữa, (trong đó tôi chuyển khoản 182.000.000 và cô H tự rút ở tài khoản của tôi 18.000.000 đồng), cộng với nợ cũ còn lại 200.000.000đ là 400.000.000 đồng. Lãi suất hai bác cháu thỏa thuận là: 2,5%/ tháng cho tất cả các khoản vay.

Quá trình vay từ ngày 24/3/2014 đến nay cô H đã trả được số tiền gốc là:

Ngày 31/01/2019 cô H trả nợ được 10.000.000 đồng.

Ngày 22/01/2020 cô H trả nợ 10.000.000 đồng

Ngày 28/4/2020 cô H trả nợ 1.000.000 đồng

Ngày 29/9/2020 cô H trả nợ 1.000.000 đồng

Tổng số tiền cô H đã trả nợ cho tôi là 22.000.000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền lãi cô H đã trả cho tôi từ lần vay đầu tiên, ngày 12/02/2014 đến tháng 6/2018 là: 363.000.000 đồng. Sau này do làm ăn thua lỗ nên cô H đã xin tôi không tính lãi đối với khoản nợ gốc 378.000.000đ còn lại thời điểm tháng 6/2018 và tôi đã đồng ý. Tuy nhiên từ tháng 6/2018 Tôi đã đòi nợ nhiều lần nhưng cô H không trả.

Tôi đã có thiện chí là chỉ đòi nợ cô H 178.000.000 đồng và cho số tiền 200.000.000 tiền gốc với điều kiện là cô H trả hết nợ cho tôi ngay nhưng cô H vẫn không thực hiện.

Tại pH1 tòa, bà H1 tách 18.000.000 đồng tiền gốc để giải quyết trong vụ án khác.

Nay tôi yêu cầu cô H trả tiền gốc và lãi suất, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/7/2018 đến tháng 1/2019 =7 tháng x 382.000.000đ x 0,8% = 21.392.000 đồng.

Từ tháng 02/2019 đến tháng 1/2020 =12 tháng x 372.000.000 x 0,8% = 35.712.000 đồng. (Ngày 31/01/2019 cô H trả nợ được 10.000.000 đồng)

Từ tháng 02/2020 đến tháng 3/2023=37 tháng x 360.000.000x 0,8% = 106.560.000. (Từ ngày 22/01/2020 đến ngày 29/9/2020 cô H trả nợ 12.000.000 đồng)

Tổng lãi phải trả: 163.664.000đ; Tổng nợ gốc: 360.000.000 = 523.664.000đ (Năm trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn) đồng.

* Bị đơn chị H trình bày: Tôi có vay tiền và viết giấy vay tiền đưa cho bà H1, cụ thể là:

Ngày 12/ 02 /2014 tôi có vay 400.000.000đ (Bốn trăm triệu) đồng,lãi suất khi đó hai bên thỏa thuận là 2,5%/tháng. Thời hạn vay là một tháng.

Ngày 24/3/2014, tôi trả nợ cho bà H1 300.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 100.000.000 đồng tiền gốc.

Ngày 20/11/2015 tôi vay của bà H1 số tiền 100.000.000 đồng, cộng với số tiền 100.000.000 đồng cũ nữa là 200.000.000 đồng.

Ngày 29/01/2016, tôi vay tiếp của bà H1 200.000.000 đồng nữa, cộng với nợ cũ là 400.000.000 đồng. Lãi suất hai bên thỏa thuận là: 2,5%/ tháng cho tất cả các khoản vay. Trong các lần vay này đều thực hiện qua chuyển khoản

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại pH1 tòa hôm nay tôi đồng ý là đã nợ bà H1 các khoản nợ như bà H1 đã trình bày trên đây. Tôi không có ý kiến gì về phần nợ gốc và phần đã trả lãi cho bà H1. Tôi có ý kiến là trước đây trong các lần làm việc tại Trung tâm H giải và các lần làm việc tại Tòa án thì bà H1 nói chỉ đòi nợ tôi số tiền 178.000.000 đồng, nay tôi chỉ đồng ý trả nợ 178.000.000 đồng nhưng vì tôi đang gặp khó khăn về tài chính, làm ăn thua lỗ nên tôi chỉ xin trả nợ hàng tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn) đồng từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trả hết số tiền nợ trên.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

Căn cứ vào khoản 3 Điều 58 BLTTDS, ngày 13/3/2023, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T đã có công văn số 04/YC- VKSTX về việc yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để bảo đảm việc giải quyết vụ án có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Ngày 14/3/2023, Tòa án mở pH1 tòa nhưng bị đơn chị Nguyễn Thị H vắng mặt. TAND huyện T ra Quyết định hoãn pH1 tòa, thời gian mở lại pH1 tòa hồi 8h ngày 06/4/2023. Tuy nhiên đến trước khi mở lại pH1 tòa, Thẩm phán không thông báo bằng văn bản yêu cầu trả lời xác minh cho Kiểm sát viên và nêu rõ lý do là vi phạm Điều 22 Thông tư liên tịch 02/2016/TTLT- TANDTC- VKSNDTC ngày 31/8/2016 quy định việc phối hợp giữa Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2 .Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký pH1 tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký pH1 tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn vắng mặt tại pH1 tòa lần thứ nhất không có lý do.

4. Về việc giải quyết vụ án:

Tại pH1 tòa, Nguyên đơn bà Lê Thị H1 khai nhận quá trình cho bị đơn chị Nguyễn Thị H vay tiền như sau:

Lần 1: Ngày 12/02/2014, cho chị H vay số tiền 400.000.000đ, thỏa thuận trả lãi xuất 2,5%/ tháng. Lần này chị H viết giấy tay. Bà H1 giao trực tiếp bằng tiền mặt cho chị H. Đến ngày 24/3/2014 chị H đã trả nợ 300.000.000đ, còn nợ lại 100.000.000đ.

Lần 2: Ngày 20/11/2015 chị H vay thêm số tiền 100.000.000đ, tổng là 200.000.000đ, lãi xuất 2,5%/ tháng. Giấy viết tay chị H gửi bằng đường Fax cho bà H1 nhận ở Hà Nội, bà H1 chuyển tiền qua tài khoản chị H.

Lần 3: Ngày 29/01/2016 chị H vay thêm số tiền 200.000.000đ, trong đó bà H1 chuyển khoản 182.000.000 còn 18.000.000đ, chị H tự rút ở tài khoản tiền gửi của bà H1. Tổng là 400.000.000đ, lãi xuất 2,5%/tháng. Giấy viết tay chị H gửi bằng đường Fax cho bà H1 nhận ở Hà Nội, bà H1 chuyển tiền qua tài khoản chị H.

Từ ngày 31/01/2019 đến ngày 09/9/2020, chị H chuyển khoản trả cho bà H1 22.000.000đ tiền gốc. Tổng 3 lần vay là 700.000.000đ, chị H đã trả 322.000.000đ tiền gốc và 363.000.000đ tiền lãi. Còn lại nợ tiền gốc là 378.000.000đ. Tại pH1 tòa bà H1 yêu cầu chị H trả 360.000.000đ tiền gốc (số tiền 18.000.000đ sẽ tách ra giải quyết ở vụ án khác, không yêu cầu giải quyết ở vụ án này) và tổng tiền lãi từ tháng 7/2018 đến nay(tháng 3/2023) là 163.644.000đ. Tổng là 523.644.000đ (Năm trăm hai mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng.

Bị đơn: Tại pH1 tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị H khai nhận quá trình vay đúng như Nguyên đơn trình bày. Do làm ăn thua lỗ, chị H xin trả tổng là 178.000.000đ sẽ trả cho bà H1 hàng tháng, mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn) đồng.

Hai bên không thống nhất được việc trả nợ gốc và lãi.

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị H1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H1 số tiền nợ gốc 360.000.000 đ tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 7 năm 2018 đến nay.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH1 cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH1 tòa, căn cứ vào kết quả xét hỏi tại pH1 tòa, HĐXX nhận định

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị H1 yêu cầu giải quyết buộc bị đơn là chị Nguyễn Thị H có nơi làm việc tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT chi nhánh huyện T, tỉnh T trả nợ tiền vay, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự. Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Theo nguyên đơn, bà Lê Thị H1 trình bày:

Từ ngày 12/02/2014 đến ngày 29/01/2016, chị H vay của bà H1, tổng 3 lần vay là 700.000.000đ. Tính đến tháng 6/2018, chị H đã trả 300.000.000đ tiền gốc và 363.000.000đ tiền lãi cho bà H1; Còn lại nợ tiền gốc là 400.000.000đ và tiền lãi từ tháng 7/2018 đến nay. Từ năm 2019 đến năm 2020, chị H đã trả thêm được 22.000.000đ tiền gốc. Tại pH1 tòa, bà H1 tách 18.000.000 đồng tiền gốc để giải quyết trong vụ án khác và yêu cầu chị H trả tiền gốc và lãi suất, cụ thể như sau: Từ ngày 01/7/2018 đến tháng 1/2019 =7 tháng x 382.000.000đ x 0,8% = 21.392.000 đồng; Từ tháng 02/2019 đến tháng 1/2020 =12 tháng x 372.000.000 x 0,8% = 35.712.000 đồng; Từ tháng 02/2020 đến tháng 3/2023=37 tháng x 360.000.000x 0,8% = 106.560.000đ.

Tổng lãi phải trả: 163.664.000đ; Tổng nợ gốc: 360.000.000 = 523.664.000đ (Năm trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn) đồng.

Trong các buổi làm việc, và tại pH1 tòa hôm nay, chị H thừa nhận có việc vay và trả nợ đối với bà H1. Chị chỉ đồng ý trả nợ cho bà H1 với số tiền 178.000.000 đồng là số tiền hai bác cháu đã thỏa thuận trong các lần làm việc tại Tòa án. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3]. Về nội dung: Tại pH1 tòa nguyên đơn bà Lê Thị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H phải trả một lần cho bà số tiền gốc 360.000.000 đ và lãi suất là 0,8%/ tháng cho bà. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện bà H1 đã cung cấp các tài liệu cho Tòa án.

Chị H nêu quan điểm chỉ xin trả cho bà H1 số tiền 178.000.000 đồng, và mỗi tháng chỉ trả 500.000 (năm trăm nghìn) đồng cho đến khi hết nợ.

[4]. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bà H1 xuất trình giấy vay giữa bà và chị H là có căn cứ, bởi lẽ giấy vay không bị gạch xóa mà đang còn nguyên vẹn. Còn phía chị H có nhận là có vay nợ đối với bà H1 và đã ký trong các giấy tờ thể hiện việc vay nợ đối với bà H1. Chị không có ý kiến gì về mức lãi suất đối với khoản nợ với bà H1.

Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của bà H1 là có căn cứ thể hiện bằng giấy vay nợ có chữ ký của chị H và chị H cũng công nhận có việc vay nợ này. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1.

[5]. Về lãi suất: Tại hồ sơ có trong vụ án, bà H1 yêu cầu chị H phải trả lãi số tiền lãi phát sinh từ tháng 7 năm 2018 đến nay theo mức 0,8%/ tháng, tương ứng với khoản tiền gốc vay, đây là mức lãi xuất phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

HĐXX xét thấy: chị H phải chịu trách nhiệm trả lãi đối với khoản tiền gốc theo từng giai đoạn, trong đó:

Từ ngày 01/7/2018 đến tháng 1/2019 = 7 tháng $\times 382.000.000đ \times 0,8\% = 21.392.000$ đồng.

Từ tháng 02/2019 đến tháng 1/2020 = 12 tháng $\times 372.000.000 \times 0,8\% = 35.712.000$ đồng.

Từ tháng 02/2020 đến tháng 3/2023 = 37 tháng $\times 360.000.000 \times 0,8\% = 106.560.000$.

Tổng nợ gốc: 360.000.000; Tổng lãi phải trả: 163.664.000đ = 523.664.000đ (Năm trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn) đồng.

Áp dụng: khoản 2 Điều 155; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc chị H phải trả cho bà H1 số tiền nợ gốc 360.000.000đ tiền gốc và tiền lãi từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 3 năm 2023 là 163.664.000 đồng. Tổng số tiền chị H phải trả cho bà H1 là: 523.664.000 (Năm trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn) đồng.

[7]. Về án phí: chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 155, Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 BLDS năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H1 về việc buộc chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền gốc và tiền lãi đối với số tiền đã vay.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả một lần cho bà Lê Thị H1 số tiền là: 523.664.000 đồng (Năm trăm hai mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn) đồng, trong đó: 360.000.000đ tiền gốc và 163.664.000đ tiền lãi, tính đến hết tháng 3 năm 2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 24.946.560 đồng (Hai mươi tư triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Tòa án nhân tỉnh T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH1 TÒA

Cao Hồng Đ

đồng, trong đó: 360.000.000đ tiền gốc và 163.664.000đ tiền lãi, tính đến hết tháng 3 năm 2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 24.946.560 đồng (Hai mươi tư triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi) đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa pH1 tòa

Lê Đăng Thiện

Nguyễn Văn Sâm

Cao Hồng Đức

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ KHAI

Kính gửi: Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

Tôi tên là: Lại Thế Cường - Sinh năm 1955; Trú tại: Thôn Phấn Thôn, xã Thọ Hải, huyện T, tỉnh T.

Là nguyên đơn trong vụ án dân sự: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết số 03/2021/TLVA-DS ngày 28 tháng 01 năm 2021.

Tôi tự khai nội dung sự việc như sau:

Tôi và vợ chồng cô Huỳnh Thị Thủy - Sinh năm 1963; Trú tại: Thôn Hương 2, xã Thọ Hải, huyện T, tỉnh T (ông Nguyễn Thanh Chương là chồng co Thủy đã chết) có quan hệ quen biết nên ngày 08/5/2014 tôi có cho vợ chồng cô ấy vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu), lãi suất khi đó hai bên thỏa thuận là 700.000đ/tháng cho cả 30 triệu tiền gốc. Quá trình vay từ đó đến nay vợ chồng cô Thủy mới trả được 3.500.000đ. Tôi đã đòi nhiều lần nhưng cô ấy không trả.

Nay tôi yêu cầu cô Thủy trả tiền gốc và lãi suất (từ tháng 11/2014) theo quy định của pháp luật cho tôi.

Ngoài các nội dung trên tôi không khai gì thêm.

T, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người làm đơn

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH T

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 12 tháng 4 năm 2021

Số: 06/2021/QĐXXST-DS

QUYẾT ĐỊNH
ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ

Căn cứ vào các điều 48, 203 và 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Sau khi ngH1 cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/ST-DS
ngày 28 tháng 01 năm 2021;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”, giữa:

- Nguyên đơn:

- Ông Lại Thế Cường - Sinh năm 1955; Trú tại: Thôn Phấn Thôn, xã Thọ Hải, huyện T, tỉnh T.

- Bị đơn:

- Bà Huỳnh Thị Thủy - Sinh năm: 1962; Trú tại: Thôn Hương 2, xã Thọ Hải, huyện T, tỉnh T.

Thời gian mở pH1 toà: 13 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 4 năm 2021;

Địa điểm mở pH1 toà: Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T - Khu phố 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh T;

Vụ án được xét xử công khai.

2. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa pH1 toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Trí; Bà Đỗ Thị Phương;

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Ông Đỗ Trọng Hoàn và ông Lưu Minh Sửu.

Thư ký pH1 tòa: Bà Cao Thị Bình;

Thư ký pH1 tòa dự khuyết: Ông Lê Văn Hân;

Đều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia pH1 tòa: Bà Trần Thị Tinh - Kiểm sát Viên.

3. Những người tham gia tố tụng khác: Không.

Nơi nhận:

- Đường sự;

- Viện kiểm sát ND huyện T;

- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM

HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH T

Số: 03/TB-TLVA-HNGĐ

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 28 tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC THỤ LÝ VỤ ÁN

Kính gửi: - Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T;

- Ông Lại Thế Cường - Sinh năm 1955; Trú tại: Thôn Phấn Thôn, xã Thọ Hải, huyện T, tỉnh T; Nguyên đơn;

- Bà Huỳnh Thị Thủy - Sinh năm: 1962; Trú tại: Thôn Hương 2, xã Thọ Hải, huyện T, tỉnh T; Bị đơn;

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T đã thụ lý vụ án dân sự số 03/2021/TLDS-ST về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo đơn khởi kiện của: Ông Lại Thế Cường - Sinh năm 1955; Trú tại: Thôn Phấn Thôn, xã Thọ Hải, huyện T, tỉnh T;

Vụ án được thụ lý theo thủ tục thông thường.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Yêu cầu chị Huỳnh Thị Thủy trả cho ông Cường là 30.000.000đ tiền gốc cộng với lãi suất là 52.500.000đ. Tổng là 82.500.000đ).

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây:

- 01 giấy vay tiền ghi ngày 08/5/2014;

- 01 bản sao Chứng minh nhân dân;

- 01 bản sao sổ hộ khẩu;

- 01 đơn đề nghị xin miễn tạm ứng án phí;

- 01 thông báo miễn nộp tiền tạm ứng án phí ngày 28/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện T.

Căn cứ vào Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T, ông Lại Thế Cường, bà Huỳnh Thị Thủy được biết.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này, bị đơn phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Trường hợp cần gia hạn, thì phải có đơn xin gia hạn gửi cho Tòa án nêu rõ lý do để Tòa án xem xét. Hết thời hạn này mà người được thông báo không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thì

Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát ND huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng

lãi trong mức giới hạn từ tháng 11 năm 2014 (thời điểm vay tiền) đến tháng 8 năm 2015 (thời điểm ông Chương chết) là $13,5\% / \text{năm} = 337,500đ \times 15 \text{ tháng} = 5.062,500đ$.

Ông Chương, bà Thủy đã trả cho ông Cường số tiền 3.500.000đ, số tiền lãi còn phải trả thời điểm này là $5.062,5.000đ - 3.500.000đ = 1,552,5.000đ$.

Số tiền lãi thời điểm từ tháng 9/2015 đến tháng 6/2021 là $69 \text{ tháng} \times 137.500 = 9.487,500đ$.

Tổng số tiền lãi phải trả là:

$1.552,5.000đ + 9.487,500đ = 11.040.000đ$ (Mười một triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)

Vì các lẽ trên:

Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 476; Điều 645 BLDS năm 2005; Nghị quyết số 03/2012 ngày 03/12/2012 của HĐPTANDTC.

Áp dụng Điều 149; khoản 2 Điều 155, điểm a khoản 1 Điều 157; Điều 463; Điều 466; Điều 468, khoản 2 Điều 623; khoản 1 Điều 688BLDS năm 2015; Điều 228 BLTTDS; Nghị quyết số 01/2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao buộc bà Huỳnh Thị Thủy phải trả cho ông Lại Thế Cường số tiền 15.000.000đ tiền gốc và 12.175.000đ tiền lãi.Tổng cộng, bà Thủy phải trả cho ông Cường số tiền 27.175.000 đồng tính đến ngày 15/6/2021.

Về án phí: Bà Huỳnh Thị Thủy phải chịu 1.358.750 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH T

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 30 tháng 10 năm 2020

Số: 41/2020/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7, 9 Điều 26; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản H giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-DS, ngày 05 tháng 10 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản H giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản H giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị Tính - Sinh năm 1951;
2. Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1976;
3. Chị Nguyễn Thị Thu - Sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, thị Trấn Lam Sơn, huyện T, tỉnh T.

Bị đơn:

Chị Nguyễn Thị Vân - Sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn Đoàn Kết, thị Trấn Lam Sơn, huyện T, tỉnh T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn, chị Nguyễn Thị Vân công nhận còn nợ và đồng ý trả nợ cho các nguyên đơn số tiền là:

Nợ bà Trần Thị Tính 01 cây vàng 9999, quy thành tiền tại thời điểm giải quyết vụ án là 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng); Nợ chị Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), Nợ chị Nguyễn Thị Thu số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

* Các bên đương sự thỏa thuận thời gian, số tiền trả nợ cụ thể như sau:

- Ngày 28/01/2021 chị Vân trả cho bà Tính số tiền 10.000.000đ;
- Ngày 18/5/2021 chị Vân trả nợ cho bà Tính số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 18/9/2021 chị Vân trả cho bà Tính số tiền 23.000.000đ;
- Ngày 18/12/2021 chị Vân trả cho chị Thu số tiền 20.000.000đ;
- Ngày 18/4/2022 chị Vân trả cho chị H số tiền 25.000.000đ;
- Ngày 18/7/2022 chị Vân trả cho chị H số tiền 25.000.000đ;
- Ngày 18/10/2022 chị Vân trả cho chị H số tiền 25.000.000đ;
- Ngày 31/12/2022 chị Vân trả cho chị H số tiền 25.000.000đ.

Việc thanh toán của các bên đương sự được giải quyết tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

* Ghi nhận việc bà Tính chỉ yêu cầu chị Nguyễn Thị Vân chịu trách nhiệm trả tổng số tiền gốc nêu trên và không yêu cầu tính lãi trước đó.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* Về án phí: Các bên, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận, mỗi bên phải chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Tính được miễn án phí DSST (là người cao tuổi);
- Chị Nguyễn Thị Vân phải chịu 2.162.500đ án phí DSST;
- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 1.250.000đ án phí DSST;
- Chị Nguyễn Thị Thu phải chịu 250.000đ án phí DSST.

Tiền án phí DSST chị H và chị Thu phải chịu được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Tính đã nộp (nộp thay) trước đây, theo biên lai thu số: AA/2019/ 0006196 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh T. Bà Tính được nhận lại 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSNDhuyện T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM

HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH T

Số: 41/TB-TLVA-HNGĐ

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 05 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC THỤ LÝ VỤ ÁN

Kính gửi: - Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh T.

- Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1976;
- Chị Nguyễn Thị Thu - Sinh năm 1991;
- Bà Trần Thị Tính - Sinh năm 1951;

Hiện trú tại: Thôn Đoàn Kết, thị trấn Lam Sơn, huyện T, tỉnh T; Đều là Nguyên đơn;

- Chị Nguyễn Thị Vân - Sinh năm 1968; Hiện trú tại: Thôn Đoàn Kết, thị trấn Lam Sơn, huyện T, tỉnh T; Là bị đơn;

Ngày 05 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T đã thụ lý vụ án dân sự số 41/2020/TLDS-ST về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo đơn khởi kiện của: Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1976; Chị Nguyễn Thị Thu - Sinh năm 1991 và Bà Trần Thị Tính - Sinh năm 1951; Đều trú tại: Thôn Đoàn Kết, thị trấn Lam Sơn, huyện T, tỉnh T;

Vụ án được thụ lý theo thủ tục thông thường.

Những vấn đề cụ thể người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

Yêu cầu chị Nguyễn Thị Vân trả cho chị H là 100.000.000đ; chị Thu 50.000.000đ; bà Tính 01 cây vàng (trị giá thời điểm hiện tại khoảng 53 triệu đồng).

Kèm theo đơn khởi kiện, người khởi kiện đã nộp các tài liệu, chứng cứ sau đây:

- 01 giấy vay tiền , vàng ghi ngày 10/8/2020;
- 3 bản sao Chứng minh nhân dân;
- 02 bản sao sổ hộ khẩu;
- 01 giấy ủy quyền;
- 01 biên lai thu tạm ứng án phí

- 01 Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 01/10/2020.

Căn cứ vào Điều 196 và Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân huyện T, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Thu, bà Trần Thị Tính và chị Nguyễn Thu Vân được biết.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này, bị đơn phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Trường hợp cần gia hạn, thì phải có đơn xin gia hạn gửi cho Tòa án nêu rõ lý do để Tòa án xem xét. Hết thời hạn này mà người được thông báo không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát ND huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

(Về việc xin miễn tạm ứng án phí)

Kính gửi: Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh T.

Họ và tên người đề nghị: Trần Thị Tính - Sinh năm 1951;

Hiện trú tại: Thôn Đoàn Kết, thị trấn Lam Sơn, huyện T, tỉnh T.

Chứng minh nhân dân/hộ chiếu/căn cước công dân số: do

.....cấp

ngày.....

Là: Nguyên đơn trong vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà cô Nguyễn Thu Vân - Sinh năm 1968 (tên thường gọi là Vân Việt), cùng trú tại thôn Đoàn Kết, thị trấn Lam Sơn, huyện T, tỉnh T.

Do tôi là người cao tuổi, thuộc đối tượng được xem xét miễn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật nên tôi làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện T xem xét miễn tạm ứng án phí cho tôi.

Tôi xin cam đoan và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những gì trình bày ý kiến ở trên.

Xin chân thành cảm ơn!

Giấy tờ gửi kèm:

T, ngày 01 tháng 10 năm 2020

01 Giấy chứng minh nhân dân.

Người đề nghị

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH T

Số: 310/TB -TA

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

T, ngày 01 tháng 10 năm 2020

THÔNG BÁO
NỘP TIỀN TẠM ỨNG ÁN PHÍ

Kính gửi: Bà Trần Thị Tính - Sinh năm 1951;

Hiện trú tại: Thôn Đoàn Kết, thị trấn Lam Sơn, huyện T, tỉnh T.

Sau khi xem xét Đơn khởi kiện của bà cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo;

Xét thấy, Đơn khởi kiện của chị về việc yêu cầu Tòa án giải quyết Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh T và thuộc trường hợp phải nộp một phần tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 146; khoản 1 khoản 2 Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Toà án nhân dân huyện T thông báo cho bà Trần Thị Tính. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này bà đến Chi cục thi hành án dân sự huyện T để nộp số tiền tạm ứng án phí là: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Sau khi nộp tiền, người khởi kiện phải giao nộp biên lai thu tiền của Chi cục thi hành án dân sự huyện T cho Toà án nhân dân huyện T để Tòa án làm thủ tục thụ lý vụ án.

Hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo này, nếu người yêu cầu khởi kiện không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án mà không có lý do chính đáng, thì Toà án sẽ trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng